

Số: **6942**/QĐ-BCT

Hà Nội, ngày **07** tháng 8 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thực hiện điều tra khảo sát các loại hình kinh doanh thương mại
thuộc Đề án đổi mới đồng bộ hệ thống chỉ tiêu thống kê năm 2014
của Bộ Công Thương

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Thống kê ngày 26 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 40/2004/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 03/2010/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2010 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức thống kê bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 6622/QĐ-BCT ngày 19 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt Chương trình triển khai Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 3669/QĐ-BCT ngày 25 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc giao nhiệm vụ và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê năm 2014;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức điều tra thu thập thông tin thống kê của các loại hình kinh doanh thương mại áp dụng cho các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương theo Phương án ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Vụ Thị trường trong nước thuộc Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Vụ Kế hoạch, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện việc điều tra theo Phương án điều tra đã được phê duyệt kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
VIA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG VĂN BẢN

V Số: **1156**
Ngày: **08** tháng **8** năm 20**14**
Lưu hồ sơ:

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Giám đốc Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng các doanh nghiệp, cơ sở kinh tế được chọn điều tra và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tổng cục Thống kê;
- Công thông tin điện tử BCT;
- Lưu: VT, TTTN (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Dương Quang

PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA
KHẢO SÁT CÁC LOẠI HÌNH KINH DOANH THƯƠNG MẠI

*(Ban hành theo Quyết định số 6942/QĐ-BCT ngày 07 tháng 8 năm 2014
của Bộ trưởng Bộ Công Thương)*

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

Cuộc điều tra khảo sát các loại hình kinh doanh thương mại nhằm xác định rõ đặc điểm thực tế của từng loại hình theo các tiêu chí phân loại được lựa chọn; là cơ sở thực tế để bổ sung, hoàn thiện tiêu chí phân loại và xác định đặc điểm cơ bản của từng loại hình cơ sở kinh doanh thương mại ở Việt Nam và phục vụ cho công tác thống kê, quy hoạch, định hướng phát triển các loại hình cơ sở bán lẻ và hướng dẫn hoạt động mua sắm hàng hóa ở Việt Nam.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

2.1. Đối tượng điều tra và đơn vị điều tra

* Đối tượng điều tra: là các loại hình kinh doanh thương mại đang hoạt động tại các tỉnh/thành của Việt Nam căn cứ trên Hệ thống chỉ tiêu chỉ tiêu thống kê ngành Công nghiệp và Thương mại được ban hành theo Thông tư số 19/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương, trong đó bao gồm:

- Siêu thị;
- Cửa hàng tiện lợi;
- Cửa hàng bán giá rẻ;
- Cửa hàng chuyên doanh;
- Cửa hàng tạp hóa, thực phẩm truyền thống;
- Trung tâm thương mại;
- Cửa hàng bách hóa.

Hiện nay, cửa hàng bán giá rẻ mới xuất hiện ở Việt Nam, chưa có tiêu chí cụ thể để nhận dạng các loại hình kinh doanh thương mại trên (Ngoài hướng dẫn tại Thông tư 19/2012/TT-BCT ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Bộ Công Thương).

(Đối tượng điều tra không bao gồm các loại hình chợ theo quy định pháp luật hiện hành và loại hình bán hàng trực tiếp).

* Đơn vị điều tra: Mỗi cơ sở kinh doanh thương mại nêu trên thuộc đối tượng điều tra là một đơn vị điều tra.

2.2. Phạm vi điều tra

Đây là cuộc điều tra chuyên đề tiến hành tại các cơ sở kinh doanh thương mại thuộc 28 tỉnh/ thành phố được chọn điều tra đại diện cho 6 vùng kinh tế trên toàn quốc.

3. Thời kỳ điều tra và thời điểm điều tra

- Thời điểm điều tra:

Thu thập thông tin thực tế của các loại hình kinh doanh thương mại tại thời điểm điều tra từ ngày 01 tháng 8 đến ngày 30 tháng 9 năm 2014.

- Thời kỳ điều tra: số liệu chính thức trong 3 năm 2011, 2012 và 2013.

4. Nội dung, phiếu điều tra và danh mục sử dụng trong điều tra

4.1. Nội dung điều tra: thông tin điều tra bao gồm hai nhóm:

- Thông tin chung về cơ sở điều tra:
 - Tên cơ sở điều tra, địa chỉ, điện thoại, Fax, email;
 - Thông tin hoạt động;
 - Thông tin liên hệ;
 - Năm bắt đầu hoạt động;
 - Người đại diện theo pháp luật;
 - Loại hình cơ sở điều tra;
 - Hình thức sở hữu cơ sở điều tra.
- Thông tin về các tiêu chí và tình hình hoạt động kinh doanh đối với cơ sở điều tra:
 - Diện tích mặt bằng;
 - Diện tích kinh doanh;
 - Diện tích kinh doanh cho thuê;
 - Vị trí của cơ sở kinh doanh;
 - Mặt hàng/ nhóm hàng kinh doanh;
 - Phương thức quản lý khách hàng, bán hàng, thanh toán;
 - Hình thức tổ chức, vận doanh;
 - Phạm vi thị trường và khách hàng mục tiêu;
 - Dịch vụ khách hàng

- Hiệu quả hoạt động kinh doanh.
- Tình trạng lao động của cơ sở kinh doanh
- Phản ánh môi trường kinh doanh
- Môi trường hoạt động kinh doanh và cảm nhận mức độ cạnh tranh

4.2. Phiếu điều tra

- Phiếu thu thập thông tin: áp dụng 04 loại phiếu điều tra cho toàn bộ các loại hình thương mại bán lẻ (7 loại hình) được chọn điều tra:

+ Phiếu số 01/CHTT: Phiếu thu thập thông tin về Cửa hàng tạp hóa, thực phẩm truyền thống.

+ Phiếu số 02/ST-CHTL: Phiếu thu thập thông tin về Siêu thị, cửa hàng tiện lợi.

+ Phiếu số 03/TTTM: Phiếu thu thập thông tin về Trung tâm thương mại, Cửa hàng bách hoá.

+ Phiếu số 04/CHCD: Phiếu thu thập thông tin về Cửa hàng chuyên doanh.

5. Phân loại, danh mục sử dụng trong điều tra

Các bảng, danh mục giải thích các thuật ngữ áp dụng trong phiếu điều tra:

+ Bảng tổng hợp kết quả điều tra.

+ Giải thích các đặc điểm nhận diện của các loại hình kinh doanh thương mại.

+ Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam 2010 được ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08 tháng 7 năm 2004 và những thay đổi đã được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm điều tra.

Phiếu thu thập thông tin, giải thích nội dung và cách ghi phiếu, danh mục giải thích các thuật ngữ nhằm nhận diện các loại hình kinh doanh thương mại.

6. Loại điều tra và phương pháp thu thập số liệu

6.1. Loại điều tra: Căn cứ vào số lượng và thực tế hoạt động kinh doanh của các loại hình kinh doanh thương mại, cuộc điều tra này sử dụng loại điều tra chuyên đề. Cụ thể:

Chọn tỉnh, thành phố: Căn cứ vào số liệu báo cáo về các loại hình kinh doanh thương mại toàn quốc và tại các địa phương cũng như đặc điểm của từng địa bàn tỉnh sẽ chọn lựa các địa phương có tính đại diện mang tính chất vùng miền và đặc điểm kinh tế để phân bổ các phiếu điều tra:

Chọn đơn vị điều tra: Dựa trên danh sách tổng thể các loại hình kinh doanh thương mại của tỉnh điều tra sẽ chọn ra ngẫu nhiên số lượng mẫu điều tra

theo tỷ lệ tổng thể, đưa ra nguyên tắc chọn mẫu theo phạm vi địa lý hành chính đối với từng tỉnh/thành phố cụ thể nhằm đảm bảo đơn vị điều tra mang tính đại diện cho từng loại hình kinh doanh thương mại.

6.2. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc điều tra này sử dụng kết hợp phương pháp thu thập số liệu trực tiếp và gián tiếp:

- Phương pháp trực tiếp: đơn vị thực hiện điều tra sẽ cử điều tra viên đến đơn vị điều tra, giải thích từng chỉ tiêu và đề nghị đơn vị điều tra cung cấp số liệu để ghi vào phiếu điều tra.

- Phương pháp gián tiếp: đơn vị thực hiện điều tra điện thoại hoặc email để hướng dẫn ghi phiếu điều tra, cách gửi phiếu điều tra để đơn vị điều tra tự ghi số liệu rồi gửi cho đơn vị thực hiện điều tra.

Căn cứ vào tình hình thực tế, có thể kết hợp hai phương pháp nhằm bảo đảm thu thập đủ, chính xác nội dung thông tin, nhanh về thời gian và tiết kiệm kinh phí. Các loại hình kinh doanh thương mại, điều tra viên sử dụng một trong các hình thức ghi phiếu điều tra dưới đây:

- Ghi phiếu điều tra bằng giấy và gửi về Vụ Thị trường trong nước;
- Ghi phiếu điều tra điện tử theo hình thức: điền số liệu vào phiếu điều tra được thiết kế dạng file excel sau đó điền số liệu và gửi email cho Vụ Thị trường trong nước.

Đơn vị điều tra sẽ có hướng dẫn chi tiết cách sử dụng phiếu điều tra điện tử cho các loại hình kinh doanh thương mại. Nội dung phiếu điều tra bằng giấy và hình thức điện tử được thiết kế giống nhau. Các loại hình bán lẻ có thể lựa chọn một trong các hình thức nêu trên tùy thuộc điều kiện thực tế về công nghệ thông tin của mình. Để thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho đơn vị điều tra trong việc ghi phiếu, nhập tin, xử lý kết quả điều tra, khuyến khích sử dụng hình thức ghi phiếu điều tra điện tử.

7. Phương pháp xử lý thông tin, tổng hợp và biểu đầu ra của cuộc điều tra

Tổng hợp và phân tích kết quả được thực hiện tại Vụ Thị trường trong nước thông qua phần mềm nhập thông tin, xử lý và tổng hợp số liệu.

Kết quả điều tra được tổng hợp theo từng loại hình kinh doanh thương mại:

- Điều tra tổng thể: kết quả tổng hợp trực tiếp từ phiếu điều tra theo mẫu Phiếu số 01/CHTT, Phiếu số 02/ST-CHTL, Phiếu số 03/TTTM, Phiếu số 04/CHCD.

- Tổng hợp kết quả điều tra của toàn bộ các loại hình kinh doanh thương mại, căn cứ vào tỷ lệ chọn mẫu đối với từng loại hình có thể phân tích kết quả điều tra.

- Biểu đầu ra (Phụ lục)

Kết quả chung của cuộc điều tra này được tổng hợp với kết quả báo cáo của các địa phương về loại hình kinh doanh thương mại tại địa bàn, từ đó đưa ra những báo cáo tổng hợp về thực trạng.

8. Kế hoạch tiến hành

8.1. Chuẩn bị điều tra: Vụ Thị trường trong nước thực hiện trong tháng 6- tháng 7 năm 2014, gồm các công việc:

- (1). Bổ sung, hoàn thiện phương án điều tra;
- (2). Bổ sung, hoàn thiện danh sách đơn vị điều tra
- (3). Hoàn thiện các tài liệu, gửi bằng file đến các địa phương để in tại chỗ.

8.2. Triển khai điều tra: Tháng 8, Vụ Thị trường trong nước thực hiện, gồm các công việc:

(1). Liên hệ với các Sở Công Thương/Đơn vị tiến hành điều tra được chọn, tập huấn, hướng dẫn các đơn vị được điều tra ghi phiếu.

(2). Triển khai, đơn đốc thu thập số liệu.

(3). Kiểm tra, hiệu đính thông tin trên phiếu bảo đảm tính đầy đủ, logic, đánh mã số các ô qui định. Thường xuyên đơn đốc Sở Công Thương gửi phiếu (đối với phiếu bằng giấy) và gửi ngay file về Vụ Thị trường trong nước.

8.3 Xử lý, tổng hợp, công bố kết quả điều tra: thực hiện tập trung tại Vụ Thị trường trong nước trong tháng 11 và tháng 12 năm 2014.

9. Tổ chức điều tra

- Ở cấp Trung ương: Vụ Thị trường trong nước là đơn vị thường trực chỉ đạo điều tra, có trách nhiệm: phối hợp với Vụ Kế hoạch xây dựng phương án điều tra; phối hợp với đơn vị công nghệ thông tin, xây dựng, phổ biến và hướng dẫn sử dụng, quản lý phiếu điều tra, chương trình phần mềm xử lý kết quả điều tra; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương được chọn để điều tra; tổng hợp và phân tích kết quả cuộc điều tra.

- Ở cấp tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương: Sở Công Thương được chọn điều tra chịu trách nhiệm triển khai, thu thập, kiểm tra gửi về Vụ Thị trường trong nước đáp ứng thời gian yêu cầu.

10. Kinh phí điều tra

Cuộc điều tra này được thực hiện bằng kinh phí theo Quyết định số 3669/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương giao nhiệm vụ và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện Đề án đổi mới đồng bộ Hệ thống chỉ tiêu thống kê năm 2014.

Các Sở Công Thương tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương/Đơn vị thực hiện điều tra được chọn tổ chức điều tra căn cứ vào nội dung phương án điều tra và chế độ tài chính hiện hành để tổ chức thực hiện tốt cuộc điều tra, bảo đảm chất lượng thông tin.

Vụ trưởng Vụ Thị trường trong nước, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp theo đúng quy định, bảo đảm điều kiện để thực hiện tốt cuộc điều tra./.

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phiếu điều tra số:

Mã cơ sở:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
CỬA HÀNG TẠP HOÁ, THỰC PHẨM TRUYỀN THỐNG***Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 16 và 32 của Luật Thống kê**Thực hiện Quyết định số 6942/QĐ-BCT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra các loại hình kinh doanh thương mại**Các thông tin cung cấp theo phiếu này nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Điều 6, Khoản 3, Luật Thống kê. Cụ thể: Nghiêm cấm các hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó***I. THÔNG TIN CHUNG:**

1. Thông tin của cửa hàng:	
1.1. Tên cửa hàng	
1.2. Thông tin liên hệ:	Địa chỉ đăng ký hoạt động: Số điện thoại:
1.3. Năm bắt đầu hoạt động:	
1.4. Người đứng tên của hàng:	Họ tên: Chức vụ: Điện thoại liên lạc:
2. Thông tin thương nhân chủ sở hữu cửa hàng	
2.1. Địa chỉ trụ sở:	
2.2. Thuộc loại hình kinh doanh:	Hộ kinh doanh cá thể ☐ Công ty: ☐ HTX/LHHTX ☐ Loại khác ☐
2.3. Hình thức sở hữu:	Sở hữu tư nhân ☐ Sở hữu tập thể ☐ Sở hữu nhà nước ☐ Loại khác ☐

II. THÔNG TIN CHI TIẾT (Các số liệu cung cấp tại thời điểm điều tra)

1. Tổng diện tích mặt bằng cửa hàng (đất xây dựng):m ²	
2. Tổng diện tích kinh doanh: m ²	Trong đó: 2.1. Diện tích bán hàng hóa:m ² 2.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:m ²
3. Vị trí của cửa hàng	
Tại chợ: Chợ kiên cố: ☐	Tại chợ tạm: ☐
Trên đường phố, ngõ, xóm: ☐	Tại các nơi khác: (Tại bệnh viện, trường học, bến xe, địa điểm công cộng)

4. Hình thức sở hữu cơ sở cửa hàng

Thuê: ☐	Góp vốn chung: ☐
Thuộc sở hữu: ☐	Khác:

5. Mặt hàng/Nhóm hàng kinh doanh chính (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

5. Mặt hàng/Nhóm hàng kinh doanh chính (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

Thực phẩm ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Hàng may mặc, giày dép ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Điện máy-điện tử ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Vật liệu xây dựng ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Khác:.....			

6. Phương kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

6.1. Theo đối tượng bán hàng:	Trong đó đối tượng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán buôn: ☐	(1). Bán buôn: ☐
(2). Bán lẻ: ☐	(2). Bán lẻ: ☐
6.2. Theo hình thức bán hàng:	Trong đó hình thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐	(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐
(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐	(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐
(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại,...)	(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại,...)
(4). Khác:.....	(4). Khác: ☐
6.3. Theo phương thức thanh toán:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tiền mặt: ☐	(1). Tiền mặt: ☐
(2). Thẻ tín dụng: ☐	(2). Thẻ tín dụng: ☐
(3) Khác:.....	(3) Khác: ☐
6.4. Theo phương thức thu mua hàng:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐	(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐
(2). Mua đứt bán đoạn: ☐	(2). Mua đứt bán đoạn: ☐
(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐	(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐
(4). Phương thức khác:	(4). Phương thức khác: ☐

6.5 Theo nguồn hàng:	Trong đó nguồn hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Từ nhà sản xuất: ☐	(1). Từ nhà sản xuất: ☐
(2.) Từ siêu thị, trung tâm thương mại: ☐	(2.) Từ siêu thị, trung tâm thương mại: ☐
(3). Từ đại lý, tổng đại lý: ☐	(3). Từ đại lý, tổng đại lý: ☐
(4). Nguồn khác:	(4). Nguồn khác: ☐

7. Hiệu quả kinh doanh (triệu đồng):

(Số liệu cung cấp có thể được làm tròn, thời điểm ngày 31 tháng 12 các năm)

Năm 2011	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....
Năm 2012	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....
Năm 2013	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....

8. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở : người. Tổng số lao động được thuê: người.

(Số liệu cung cấp tính tại thời điểm ngày 31/12/2013)

Trong đó:

(1). Theo thời gian lao động:	a) Lao động thường xuyên: người	b) Lao động bán thời gian: người
(2). Theo loại lao động:	a) Lao động quản lý: người	b) Lao động trực tiếp bán hàng: người

(3). Theo giới tính:	a) Lao động nữ:..... người	b) Lao động nam: người
(4). Theo trình độ:	Dạy nghề: người; Cao đẳng:..... người;	Trung cấp..... người; Đại học trở lên:..... người

9. Phạm vi phục vụ (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó phạm vi phục vụ chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐	(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐
(2). Khu dân cư xung quanh: ☐	(2). Khu dân cư xung quanh: ☐
(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐	(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐
(4.) Khác: (khách vắng lai, du lịch, nhóm khách tiêu thụ hàng đặc biệt)	(4.) Khác: ☐

10. Đối tượng khách hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):

(1). Người thu nhập cao: ☐	(2). Người thu nhập thấp: ☐	(3). Người thu nhập trung bình: ☐
---	--	--

11. Giá trị một lần bán trung bình (đồng):

(1). Dưới 500 nghìn: ☐	(2). Từ 500 nghìn đến 2 triệu: ☐
(3). Trên 2 triệu đến 5 triệu: ☐	(4). Trên 5 triệu: ☐

12. Phản ánh về môi trường kinh doanh

Các yếu tố môi trường kinh doanh	Mức độ cảm nhận của cơ sở từ (1) đến (5) theo thang điểm sau:				
	(1) Rất khó khăn	(2) Khó khăn	(3) Bình thường	(4) Thuận lợi	(5) Rất thuận lợi
Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐
Nguồn vốn kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
Đất và cơ sở hạ tầng	☐	☐	☐	☐	☐
Cạnh tranh từ các loại hình bán lẻ khác	☐	☐	☐	☐	☐
Khác (nếu có)	☐	☐	☐	☐	☐

13. Vướng mắc trong hoạt động kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó vướng mắc chủ yếu với cơ quan (Đánh dấu tối đa 02 phương án):
(1). Đơn vị thuế: ☐	(1). Đơn vị thuế: ☐
(2). Quản lý thị trường: ☐	(2). Quản lý thị trường: ☐
(3). Chính quyền hành chính: ☐ (Ủy ban nhân dân các cấp)	(3). Chính quyền hành chính: ☐
	(4). Công an, PCCC: ☐

(4). Công an, PCCC: ☐	(5). Y tế, môi trường: ☐
(5). Y tế, môi trường: ☐	(6). Khác ☐
(6). Khác	

14. Loại hình kinh doanh cạnh tranh trực tiếp (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

	Trong đó loại hình cạnh tranh chính (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Siêu thị: ☐	(1). Siêu thị: ☐
(2). Cửa hàng bán lẻ tiện lợi: ☐	(2). Cửa hàng bán lẻ tiện lợi: ☐
(3). Các cơ sở có cùng loại hình: ☐	(3). Các cơ sở có cùng loại hình: ☐
(4). Các loại hình khác:	(4). Các loại hình khác: ☐

15. Kế hoạch thay đổi của cửa hàng Có ☐ Không ☐ , nếu Có:	
(1). Mở rộng diện tích: ☐	(2). Thu hẹp diện tích: ☐
(3). Mở thêm cơ sở: ☐	(4). Rút cơ sở: ☐
Khác (thay đổi về lao động, mặt hàng kinh doanh, loại hình kinh doanh):	

Đánh giá, đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ kinh doanh trong thời gian tới? (Ví dụ: về quy định và thực thi pháp luật về thuế, phí, quản lý thị trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng giả,....)

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

Người điền thông tin

....., ngày.....tháng.....năm 2014

Điều tra viên

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phiếu điều tra số:

Mã cơ sở:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
SIÊU THỊ, CỬA HÀNG TIỆN LỢI**

Thực hiện Quyết định số **6942/QĐ-BCT** ngày **07** tháng **8** năm **2014** của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra các loại hình kinh doanh thương mại

Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 16 và 32 của Luật Thống kê

Các thông tin cung cấp theo phiếu này nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Điều 6, Khoản 3, Luật Thống kê. Cụ thể: Nghiêm cấm các hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin của cơ sở điều tra, khảo sát:	
1.1. Tên cơ sở	
1.2. Thông tin hoạt động:	Là trụ sở chính ☐ Là chi nhánh ☐
1.3. Thông tin liên hệ:	Địa chỉ đăng ký hoạt động: Số điện thoại: Fax: Email: Website:.....
1.4. Năm bắt đầu hoạt động:	
1.5. Người đại diện pháp luật:	Họ tên: Chức vụ:..... Điện thoại liên lạc:
2. Thông tin thương nhân chủ sở hữu cơ sở:	
2.1. Địa chỉ trụ sở:	
2.2. Thuộc loại hình doanh nghiệp:	Công ty cổ phần ☐ Công ty TNHH ☐ HTX/LHHTX ☐ Hộ kinh doanh ☐ Công ty tư nhân ☐ Loại khác ☐
2.3. Hình thức sở hữu:	Sở hữu nhà nước ☐ Sở hữu nước ngoài ☐ Sở hữu tập thể ☐ Sở hữu tư nhân ☐ Loại khác ☐

II. THÔNG TIN CHI TIẾT (Các số liệu cung cấp tại thời điểm điều tra)

1. Tổng diện tích mặt bằng (đất xây dựng):	m ²
2. Tổng diện tích kinh doanh:	m ² Trong đó:
	2.1. Diện tích bán hàng hóa:
	2.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:
3. Diện tích kinh doanh cho thuê (nằm trong tổng diện tích kinh doanh):	m ² Trong đó:
	3.1. Diện tích bán hàng hóa:
	3.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:

4. Vị trí của cơ sở kinh doanh (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

(1). Trung tâm quận, huyện: ☐	(2). Trong khu dân cư: ☐
(3). Trong khu vực tập trung nhiều cơ sở thương mại: ☐	(4). Khác: (gần bệnh viện, trường học, bến xe, địa điểm công cộng)

5. Mặt hàng/Nhóm hàng kinh doanh chính (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

Thực phẩm ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Hàng may mặc, giày dép ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Điện máy-điện tử ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Vật liệu xây dựng ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Khác:			

6. Quản lý khách hàng theo thẻ hội viên

Có ☐Không ☐

7. Là thành viên của tổ chức chuỗi siêu thị, cửa hàng:

Có ☐Không ☐

Nếu Có thì thuộc loại chuỗi:	Thông thường* ☐	Tự nguyện** ☐	Nhượng quyền*** ☐
------------------------------	--	--------------------------------------	--

* Chuỗi thông thường: Các cơ sở kinh doanh trong chuỗi đều thuộc sở hữu của một thương nhân

** Chuỗi tự nguyện: Các cơ sở kinh doanh trong chuỗi thuộc sở hữu của nhiều thương nhân khác nhau

*** Chuỗi nhượng quyền: Cơ sở kinh doanh trong chuỗi nhận nhượng quyền của một thương nhân có thương hiệu

8. Hệ thống kho: Có ☐Không ☐

Nếu Có: (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

Kho sử dụng riêng cho cơ sở ☐	Sử dụng chung của chuỗi ☐	Thuê ngoài ☐
--	--	-------------------------------------

9. Phương pháp kinh doanh

(Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

9.1. Theo đối tượng bán hàng:	Trong đó đối tượng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán buôn: ☐	(1). Bán buôn: ☐
(2). Bán lẻ: ☐	(2). Bán lẻ: ☐
9.2. Theo hình thức bán hàng:	Trong đó hình thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐	(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐
(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐	(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐
(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)	(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)
(4). Khác:	(4). Khác: ☐
9.3. Theo phương thức thanh toán:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tiền mặt: ☐	(1). Tiền mặt: ☐
(2). Thẻ tín dụng: ☐	(2). Thẻ tín dụng: ☐
(3) Khác:	(3) Khác: ☐

9.4. Theo phương thức thu mua hàng:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):	
(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐	(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐	
(2). Mua đứt bán đoạn: ☐	(2). Mua đứt bán đoạn: ☐	
(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐	(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐	
(4). Phương thức khác:	(4). Phương thức khác: ☐	
9.5 Theo nguồn hàng:	Trong đó nguồn hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):	
(1). Từ nhà sản xuất: ☐	(1). Từ nhà sản xuất: ☐	
(2.) Từ trung tâm phân phối: ☐	(2.) Từ trung tâm phân phối: ☐	
(3). Từ đại lý, tổng đại lý: ☐	(3). Từ đại lý, tổng đại lý: ☐	
(4). Nguồn khác:	(4). Nguồn khác: ☐	

10. Dịch vụ khách hàng: Có các bộ phận phục vụ khách hàng sau đây

(Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

(1). Dịch vụ gửi đồ: ☐	(2). Bộ phận tiếp nhận phản ánh của khách hàng: ☐
(3). Bộ phận bảo hành sản phẩm: ☐	(4). Nhân viên phục vụ, giới thiệu sản phẩm tại các khu vực bán theo nhóm hàng: ☐

11. Hiệu quả kinh doanh (triệu đồng).

(Số liệu cung cấp có thể được làm tròn và chọn nhiều phương án vào ngày 31 tháng 12 các năm)

Năm 2011	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:
Năm 2012	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:
Năm 2013	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:

12. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở :..... (đơn vị tính:người).

(Số liệu cung cấp tính tại thời điểm ngày 31/12/2013)

Trong đó:

(1). Theo thời gian lao động:	a) Lao động thường xuyên: người	b) Lao động bán thời gian: người
(2). Theo loại lao động:	a) Lao động quản lý: người	b) Lao động trực tiếp bán hàng: người
(3). Theo giới tính:	a) Lao động nữ:..... người	b) Lao động nam: người
(4). Theo trình độ:	Dạy nghề: người; Cao đẳng:..... người;	Trung cấp:..... người; Đại học trở lên:..... người

13. Phạm vi phục vụ (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó phạm vi phục vụ chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐	(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐
(2). Khu dân cư xung quanh: ☐	(2). Khu dân cư xung quanh: ☐
(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐	(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐
(4.) Khác: (khách vắng lai, du lịch, nhóm khách tiêu thụ hàng đặc biệt)	(4.) Khác: ☐

14. Đối tượng khách hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):

(1). Người thu nhập cao: ☐	(2). Người thu nhập thấp: ☐	(3). Người thu nhập trung bình: ☐
---	--	--

15. Giá trị một lần bán trung bình (đồng):

(1). Dưới 500 nghìn: ☐	(2). Từ 500 nghìn đến 2 triệu: ☐
(3). Trên 2 triệu đến 5 triệu: ☐	(4). Trên 5 triệu: ☐

16. Phản ánh về môi trường kinh doanh

Các yếu tố môi trường kinh doanh	Mức độ cảm nhận của cơ sở từ (1) đến (5) theo thang điểm sau:				
	(1) Rất khó khăn	(2) Khó khăn	(3) Bình thường	(4) Thuận lợi	(5) Rất thuận lợi
Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐
Nguồn vốn kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
Đất và cơ sở hạ tầng	☐	☐	☐	☐	☐
Cạnh tranh từ các loại hình bán lẻ khác	☐	☐	☐	☐	☐
Khác (nếu có)	☐	☐	☐	☐	☐

17. Vướng mắc trong hoạt động kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó vướng mắc chủ yếu với cơ quan (Đánh dấu tối đa 02 phương án):
(1). Đơn vị thuế: ☐	(1). Đơn vị thuế: ☐
(2). Quản lý thị trường: ☐	(2). Quản lý thị trường: ☐
(3). Chính quyền hành chính: ☐ (Ủy ban nhân dân các cấp)	(3). Chính quyền hành chính: ☐
(4). Công an, PCCC: ☐	(4). Công an, PCCC: ☐
(5). Y tế, môi trường: ☐	(5). Y tế, môi trường: ☐
(6). Khác:	(6). Khác: ☐

18. Loại hình kinh doanh cạnh tranh trực tiếp (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

		Trong đó loại hình cạnh tranh chính (Chỉ đánh dấu 01 phương án):	
(1). Trung tâm thương mại:	☐	(1). Trung tâm thương mại:	☐
(2). Cửa hàng bán lẻ truyền thống:	☐	(2). Cửa hàng bán lẻ truyền thống:	☐
(3). Các cơ sở có cùng loại hình:	☐	(3). Các cơ sở có cùng loại hình:	☐
(4.) Các loại hình khác:		(4.) Các loại hình khác:	☐

19. Kế hoạch thay đổi của cửa hàng Có ☐ Không ☐ , nếu Có:

(1). Mở rộng diện tích: ☐	(2). Thu hẹp diện tích: ☐
(3). Mở thêm cơ sở: ☐	(4). Rút cơ sở: ☐
Khác (thay đổi về lao động, mặt hàng kinh doanh, loại hình kinh doanh):	

Đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa trên địa bàn? (Ví dụ: về quy định pháp luật có liên quan; các chính sách khuyến khích hỗ trợ về vốn, đất đai, cơ sở hạ tầng, lao động...; công tác quy hoạch, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh...)

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của anh/chị!

Người điền thông tin

....., ngày.....tháng.....năm 2014

Điều tra viên

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phiếu điều tra số:

Mã cơ sở:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI, CỬA HÀNG BÁCH HOÁ**

Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 16 và 32 của Luật Thống kê

Thực hiện Quyết định số 6942/QĐ-BCT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra các loại hình kinh doanh thương mại

Các thông tin cung cấp theo phiếu này nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Điều 6, Khoản 3, Luật Thống kê. Cụ thể: Nghiêm cấm các hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin của cơ sở điều tra, khảo sát:	
1.1. Tên cơ sở:	
1.2. Thông tin hoạt động:	Là trụ sở chính ☐ Là chi nhánh ☐
1.3. Thông tin liên hệ:	Địa chỉ đăng ký hoạt động:..... Số điện thoại: Fax: Email: Website:.....
1.4. Năm bắt đầu hoạt động:	
1.5. Người đại diện pháp luật:	Họ tên: Chức vụ:..... Số điện thoại:.....
2. Thông tin thương nhân chủ sở hữu cơ sở:	
2.1. Địa chỉ trụ sở:	
2.2. Thuộc loại hình doanh nghiệp:	Công ty cổ phần ☐ Công ty TNHH ☐ HTX/LHHTX ☐ Hộ kinh doanh ☐ Công ty tư nhân ☐ Loại khác Sở hữu nhà nước ☐ Sở hữu nước ngoài ☐ Sở hữu tập thể ☐ Sở hữu tư nhân ☐ Loại khác
2.3. Hình thức sở hữu:	

II. THÔNG TIN CHI TIẾT (Các số liệu cung cấp tại thời điểm điều tra)

1. Tổng diện tích mặt bằng (đất xây dựng):	m ²
2. Tổng diện tích kinh doanh:..... m ²	Trong đó: 2.1. Diện tích bán hàng hóa:m ² 2.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:m ²
3. Diện tích kinh doanh cho thuê (nằm trong tổng diện tích kinh doanh):.....m ²	Trong đó: 3.1. Diện tích bán hàng hóa:m ² 3.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:m ²

4. Vị trí của cơ sở kinh doanh: (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

Trung tâm quận, huyện: ☐	Trong khu dân cư: ☐
Trong khu vực tập trung nhiều cơ sở thương mại: ☐	Khác: ☐ (gần bệnh viện, trường học, bến xe, địa điểm công cộng)

5. Mặt hàng/Nhóm hàng kinh doanh chính (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

Thực phẩm ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Hàng may mặc, giày dép ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Điện máy-điện tử ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Vật liệu xây dựng ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Khác:			

6. Quản lý khách hàng theo thẻ hội viên Có ☐ Không ☐7. Là thành viên của tổ chức chuỗi TTTM, Cửa hàng bách hoá Có ☐ Không ☐

Nếu Có thì thuộc loại chuỗi:	Thông thường* ☐	Tự nguyện** ☐	Nhượng quyền*** ☐
------------------------------	--	--------------------------------------	--

* Chuỗi thông thường: Các cơ sở kinh doanh trong chuỗi đều thuộc sở hữu của một thương nhân

** Chuỗi tự nguyện: Các cơ sở kinh doanh trong chuỗi thuộc sở hữu của nhiều thương nhân khác nhau

*** Chuỗi nhượng quyền: Cơ sở kinh doanh trong chuỗi nhận nhượng quyền của một thương nhân có thương hiệu

8. Phương pháp kinh doanh

(Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

8.1. Theo đối tượng bán hàng:	Trong đó đối tượng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán buôn: ☐	(1). Bán buôn: ☐
(2). Bán lẻ: ☐	(2). Bán lẻ: ☐
8.2. Theo hình thức bán hàng:	Trong đó hình thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐	(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐
(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐	(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐
(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)	(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)
(4). Khác:	(4). Khác: ☐
8.3. Theo phương thức thanh toán:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tiền mặt: ☐	(1). Tiền mặt: ☐
(2). Thẻ tín dụng: ☐	(2). Thẻ tín dụng: ☐
(3) Khác:	(3). Khác: ☐

9. Quy mô của cơ sở

9.1. Tổng số cửa hàng cho thuê:..... cửa hàng			
9.2. Cơ cấu (số lượng) cửa hàng, siêu thị, cơ sở dịch vụ:	cửa hàng	siêu thị	 cơ sở dịch vụ

10. Dịch vụ khách hàng: (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

Dịch vụ gửi đồ: ☐	Bộ phận tiếp nhận phản ánh của khách hàng: ☐
Bộ phận bảo hành sản phẩm: ☐	Nhân viên phục vụ, giới thiệu sản phẩm tại các khu vực bán theo nhóm hàng: : ☐

11. Hiệu quả kinh doanh (triệu đồng).

(Số liệu cung cấp có thể được làm tròn và chọn nhiều phương án vào ngày 31 tháng 12 các năm)

Năm 2011	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:
Năm 2012	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:
Năm 2013	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận sau thuế: Có ☐ Không ☐ Nếu Có:

12. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở :..... người.

(Số liệu cung cấp tính tại thời điểm ngày 31/12/2013)

Trong đó:

(1). Theo thời gian lao động:	a) Lao động thường xuyên:	b) Lao động bán thời gian:
(2). Theo loại lao động:	a) Lao động quản lý:	b) Lao động trực tiếp bán hàng:
(3). Theo giới tính:	a) Lao động nữ:..... người	b) Lao động nam:
(4). Theo trình độ:	Dạy nghề: người; Cao đẳng:..... người;	Trung cấp:..... người; Đại học trở lên:..... người

13. Phạm vi phục vụ (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐ (2). Khu dân cư xung quanh: ☐ (3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐ (4.) Khác: (khách vắng lai, du lịch, nhóm khách tiêu thụ hàng đặc biệt)	Trong đó phạm vi phục vụ chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
	(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐
	(2). Khu dân cư xung quanh: ☐
	(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐
	(4.) Khác: ☐

14. Đối tượng khách hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):

(1). Người thu nhập cao: ☐	(2). Người thu nhập thấp: ☐	(3). Người thu nhập trung bình: ☐
---	--	--

15. Giá trị một lần bán trung bình (đồng):

(1). Dưới 500 nghìn: ☐	(2). Từ 500 nghìn đến 2 triệu: ☐
(3). Trên 2 triệu đến 5 triệu: ☐	(4). Trên 5 triệu: ☐

16. Phản ánh về môi trường kinh doanh

Các yếu tố môi trường kinh doanh	Mức độ cảm nhận của cơ sở từ (1) đến (5) theo thang điểm sau:				
	(1) Rất khó khăn	(2) Khó khăn	(3) Bình thường	(4) Thuận lợi	(5) Rất thuận lợi
Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐
Nguồn vốn kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
Đất và cơ sở hạ tầng	☐	☐	☐	☐	☐
Cạnh tranh từ các loại hình bán lẻ khác	☐	☐	☐	☐	☐
Khác (nếu có)	☐	☐	☐	☐	☐

17. Vướng mắc trong hoạt động kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó vướng mắc chủ yếu với cơ quan (Đánh dấu tối đa 02 phương án):
(1). Đơn vị thuế: ☐	(1). Đơn vị thuế: ☐
(2). Quản lý thị trường: ☐	(2). Quản lý thị trường: ☐
(3). Chính quyền hành chính: ☐ (Ủy ban nhân dân các cấp)	(3). Chính quyền hành chính: ☐
(4). Công an, PCCC: ☐	(4). Công an, PCCC: ☐
(5). Y tế, môi trường: ☐	(5). Y tế, môi trường: ☐
(6). Khác	(6). Khác ☐

18. Loại hình kinh doanh cạnh tranh trực tiếp (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

	Trong đó: loại hình cạnh tranh chính (Chỉ đánh dấu 01 phương án)
(1). Trung tâm thương mại. Trong đó: - Trung tâm thương mại trong nước: ☐ - Trung tâm thương mại nước ngoài: ☐	(1). Trung tâm thương mại: - Trung tâm thương mại trong nước: ☐ - Trung tâm thương mại nước ngoài: ☐
(2). Cửa hàng: ☐	(2). Cửa hàng: ☐
(3). Chợ truyền thống: ☐	(3). Chợ truyền thống: ☐
(4.) Các loại hình khác:	(4.) Các loại hình khác: ☐

19. Kế hoạch thay đổi của cơ sở Có ☐ Không ☐ , nếu Có:

(1). Mở rộng diện tích: ☐	(2). Thu hẹp diện tích: ☐
(3). Mở thêm cơ sở: ☐	(4). Rút cơ sở: ☐
Khác (thay đổi về lao động, mặt hàng kinh doanh, loại hình kinh doanh):	
.....	
.....	

Đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phát triển mạng lưới phân phối hàng hóa trên địa bàn? (Ví dụ: về quy định pháp luật có liên quan; các chính sách khuyến khích hỗ trợ về vốn, đất đai, cơ sở hạ tầng, lao động...; công tác quy hoạch, định hướng phát triển hoạt động kinh doanh...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị!

Người điền thông tin

....., ngày.....tháng.....năm 2014

Điều tra viên

BỘ CÔNG THƯƠNG

Phiếu điều tra số:

Mã cơ sở:

**PHIẾU ĐIỀU TRA
CỬA HÀNG CHUYÊN DOANH**

Nghĩa vụ cung cấp thông tin theo phiếu này được quy định tại Điều 16 và 32 của Luật Thống kê

Thực hiện Quyết định số 6942/QĐ-BCT ngày 07 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc điều tra các loại hình kinh doanh thương mại

Các thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Điều 6, Khoản 3, Luật Thống kê. Cụ thể: Nghiêm cấm các hành vi tiết lộ thông tin thống kê gắn với tên, địa chỉ cụ thể của từng tổ chức, cá nhân khi chưa được sự đồng ý của tổ chức, cá nhân đó

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin của cửa hàng:	
1.1. Tên cửa hàng	
1.2. Thông tin liên hệ:	Địa chỉ đăng ký hoạt động: Số điện thoại:
1.3. Năm bắt đầu hoạt động:	
1.4. Người đứng tên cửa hàng:	Họ tên: Chức vụ: Điện thoại liên lạc:
2. Thông tin thương nhân chủ sở hữu cửa hàng	
2.1. Địa chỉ trụ sở:	
2.2. Thuộc loại hình kinh doanh:	Hộ kinh doanh cá thể ☐ Công ty: ☐ HTX/LHHTX ☐ Loại khác ☐
2.3. Hình thức sở hữu:	Sở hữu tư nhân ☐ Sở hữu tập thể ☐ Sở hữu nhà nước ☐ Loại khác ☐

II. THÔNG TIN CHI TIẾT (Các số liệu cung cấp tại thời điểm điều tra)

1. Tổng diện tích mặt bằng cửa hàng (đất xây dựng):m²
2. Tổng diện tích kinh doanh: m² Trong đó: 2.1. Diện tích bán hàng hóa:m²
2.2. Diện tích hoạt động dịch vụ:m²

3. Vị trí của cửa hàng

Tại chợ: Chợ kiên cố: ☐	Tại chợ tạm: ☐
Trên đường phố, ngõ, xóm: ☐	Tại các nơi khác: (Tại bệnh viện, trường học, bến xe, địa điểm công cộng)

4. Hình thức sở hữu cửa hàng	
Thuê: ☐	Góp vốn chung: ☐
Thuộc sở hữu: ☐	Khác:

5. Mặt hàng/Nhóm hàng kinh doanh chính (Đánh dấu một phương án trả lời)

Thực phẩm ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Hàng may mặc, giày dép ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Điện máy-điện tử ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Vật liệu xây dựng ☐	Hàng Việt Nam ☐	Phẩm cấp	Hàng cao cấp ☐
	Hàng nước ngoài ☐		Hàng phổ thông ☐
Khác			

6. Phương kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

6.1. Theo đối tượng bán hàng:	Trong đó đối tượng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán buôn: ☐	(1). Bán buôn: ☐
(2). Bán lẻ: ☐	(2). Bán lẻ: ☐
6.2. Theo hình thức bán hàng:	Trong đó hình thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐	(1). Bán trực tiếp tại cơ sở bán hàng: ☐
(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐	(2). Bán và giao hàng tại nhà: ☐
(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)	(3). Bán qua phương tiện điện tử: ☐ (Internet, truyền hình, điện thoại, ...)
(4). Khác:	(4). Khác: ☐
6.3. Theo phương thức thanh toán:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tiền mặt: ☐	(1). Tiền mặt: ☐
(2). Thẻ tín dụng: ☐	(2). Thẻ tín dụng: ☐
(3) Khác:	(3) Khác: ☐
6.4. Theo phương thức thu mua hàng:	Trong đó phương thức chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐	(1). Nhận hàng hoá ký gửi: ☐
(2). Mua đứt bán đoạn: ☐	(2). Mua đứt bán đoạn: ☐
(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐	(3). Thanh toán tiền hàng trả dần: ☐
(4). Phương thức khác:	(4). Phương thức khác: ☐
6.5 Theo nguồn hàng:	Trong đó nguồn hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Từ nhà sản xuất: ☐	(1). Từ nhà sản xuất: ☐

(2.) Từ siêu thị, trung tâm thương mại: ☐	(2.) Từ siêu thị, trung tâm thương mại: ☐	
(3.) Từ đại lý, tổng đại lý: ☐	(3.) Từ đại lý, tổng đại lý: ☐	
(4.) Nguồn khác:	(4.) Nguồn khác: ☐	

7. Hiệu quả kinh doanh (triệu đồng):

(Số liệu cung cấp có thể được làm tròn và chọn nhiều phương án vào ngày 31 tháng 12 các năm)

Năm 2011	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....
Năm 2012	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....
Năm 2013	Tổng doanh thu:	Doanh thu bán hàng hóa:..... Doanh thu từ dịch vụ:.....	Lợi nhuận: Có ☐ Không ☐ Nếu Có, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá thấp: ☐ Chi phí mặt bằng thấp: ☐ Chi phí nhân công thấp: ☐ Khác:..... Nếu Không, nguyên nhân: Giá bán hàng hoá cao: ☐ Chi phí mặt bằng cao: ☐ Chi phí nhân công cao: ☐ Khác:.....

8. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở : người. Tổng số lao động được thuê: người.
 (Số liệu cung cấp tính tại thời điểm ngày 31/12/2013)

Trong đó:

(1). Theo thời gian lao động:	a) Lao động thường xuyên: người	b) Lao động bán thời gian: người
(2). Theo loại lao động:	a) Lao động quản lý: người	b) Lao động trực tiếp bán hàng: người
(3). Theo giới tính:	a) Lao động nữ: người	b) Lao động nam: người
(4). Theo trình độ:	Dạy nghề: người; Cao đẳng: người;	Trung cấp: người; Đại học trở lên: người

9. Phạm vi phục vụ (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó phạm vi phục vụ chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐	(1). Tỉnh/liên tỉnh: ☐
(2). Khu dân cư xung quanh: ☐	(2). Khu dân cư xung quanh: ☐
(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐	(3). Khách hàng tiện đường giao thông: ☐
(4.) Khác: (khách vắng lai, du lịch, nhóm khách tiêu thụ hàng đặc biệt)	(4.) Khác: ☐

10. Đối tượng khách hàng chủ yếu (Chỉ đánh dấu 01 phương án):

(1). Người thu nhập cao: ☐	(2). Người thu nhập thấp: ☐	(3). Người thu nhập trung bình: ☐
---	--	--

11. Giá trị một lần bán trung bình (đồng):

(1). Dưới 500 nghìn: ☐	(2). Từ 500 nghìn đến 2 triệu: ☐
(3). Trên 2 triệu đến 5 triệu: ☐	(4). Trên 5 triệu: ☐

12. Phản ánh về môi trường kinh doanh

Các yếu tố môi trường kinh doanh	Mức độ cảm nhận của cơ sở từ (1) đến (5) theo thang điểm sau:				
	(1) Rất khó khăn	(2) Khó khăn	(3) Bình thường	(4) Thuận lợi	(5) Rất thuận lợi
Quy định của các cơ quan quản lý nhà nước	☐	☐	☐	☐	☐
Nguồn vốn kinh doanh	☐	☐	☐	☐	☐
Đất và cơ sở hạ tầng	☐	☐	☐	☐	☐
Cạnh tranh từ các loại hình bán lẻ khác	☐	☐	☐	☐	☐
Khác (nếu có)	☐	☐	☐	☐	☐

13. Vướng mắc trong hoạt động kinh doanh (Có thể đánh dấu đồng thời nhiều phương án trả lời)

	Trong đó vướng mắc chủ yếu với cơ quan (Đánh dấu tối đa 02 phương án):
(1). Đơn vị thuế: ☐	(1). Đơn vị thuế: ☐
(2). Quản lý thị trường: ☐	(2). Quản lý thị trường: ☐
(3). Chính quyền hành chính: ☐ (Ủy ban nhân dân các cấp)	(3). Chính quyền hành chính: ☐
(4). Công an, PCCC: ☐	(4). Công an, PCCC: ☐
(5). Y tế, môi trường: ☐	(5). Y tế, môi trường: ☐
(6). Khác	(6). Khác ☐

14. Loại hình kinh doanh cạnh tranh trực tiếp (Có thể đánh dấu chọn một hoặc nhiều phương án)

	Trong đó loại hình cạnh tranh chính (Chỉ đánh dấu 01 phương án):
(1). Siêu thị chuyên doanh: ☐	(1). Siêu thị chuyên doanh: ☐
(2). Các cơ sở có cùng loại hình: ☐	(2). Các cơ sở có cùng loại hình: ☐
(3). Các loại hình khác:	(3). Các loại hình khác: ☐

15. Kế hoạch thay đổi của cửa hàng Có ☐ Không ☐ , nếu Có:	
(1). Mở rộng diện tích: ☐	(2). Thu hẹp diện tích: ☐
(3). Mở thêm cơ sở: ☐	(4). Rút cơ sở: ☐
Khác (thay đổi về lao động, mặt hàng kinh doanh, loại hình kinh doanh):	

Đánh giá, đề xuất, kiến nghị gì với các cơ quan quản lý nhà nước trong việc hỗ trợ kinh doanh trong thời gian tới? (Ví dụ: về quy định và thực thi pháp luật về thuế, phí, quản lý thị trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, hàng giả,)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của Anh/Chị!

Người điền thông tin

....., ngày.....tháng.....năm 2014

Điều tra viên

